

BẢNG TỔNG HỢP KÊ KHAI GIÁ XI MĂNG THÁNG 9/2025

Mục lục:

Đơn vị	Trang
I. Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1
II. Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng	1
III. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	2
III. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	2

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Đơn vị kê khai giá	Số văn bản	Ngày ban hành	Đối tượng/ địa bàn áp dụng	Tên sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá (chưa có VAT)	Giá (đã có VAT)	Ghi chú
I	Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch									
1	Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	2872/XM HT-XNTT	04/09/2025	Xuất khẩu	Xi măng Portland type I sản xuất theo tiêu chuẩn PNS 07:2018 đóng bao 40kg (đóng bao sling 2 tấn)	Tấn	PNS 07:2018		913.000	
2	Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	2872/XM HT-XNTT	04/09/2025	Xuất khẩu	Xi măng Portland type I sản xuất theo tiêu chuẩn PNS 07:2018 đóng bao jumbo 1 tấn/1,5 tấn/2 tấn	Tấn	PNS 07:2018		913.000	
II	Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng									
1	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Phòng	1295/XM HP-XNTT	08/09/2025	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bao biển phía Đông Nam quận Hải An, đoạn từ chân cầu Rào đến vị trí giao với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	Xi măng PCB40 rời	Tấn	TCVN 6260:2020		830.000	
2	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Phòng	1338/XM HP-XNTT	16/09/2025	Hạ Long	Xi măng PCB40 rời gia công tại Hạ Long	Tấn	TCVN 2682:2018		980.000	

STT	Đơn vị kê khai giá	Số văn bản	Ngày ban hành	Đối tượng/ địa bàn áp dụng	Tên sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá (chưa có VAT)	Giá (đã có VAT)	Ghi chú
III Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên										
1	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	526/HT1-TTĐV	12/09/2025	Cả nước	Hà Tiên 2	Tấn	Bao 50kg		1.080.000	Nguồn xuất NM Kiên Lương; Phương thức giao nhận Thủy/Bộ
2	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	526/HT1-TTĐV	12/09/2025	An Giang	Hà Tiên 2	Tấn	Bao 50kg		1.040.000	Nguồn xuất NM Kiên Lương; Phương thức giao nhận Thủy/Bộ
3	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	526/HT1-TTĐV	12/09/2025	Cà Mau	Hà Tiên 2	Tấn	Bao 50kg		1.060.000	Nguồn xuất NM Kiên Lương; Phương thức giao nhận Thủy/Bộ
4	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	526/HT1-TTĐV	12/09/2025	Cả nước	Hà Tiên 2	Tấn	Bao 50kg		1.134.000	Nguồn xuất NM Kiên Lương; Phương thức giao nhận bằng bánh HT-Thủy/Bộ
5	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	526/HT1-TTĐV	12/09/2025	An Giang	Hà Tiên 2	Tấn	Bao 50kg		1.094.000	Nguồn xuất NM Kiên Lương; Phương thức giao nhận bằng bánh HT-Thủy/Bộ
6	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	526/HT1-TTĐV	12/09/2025	Cà Mau	Hà Tiên 2	Tấn	Bao 50kg		1.114.000	Nguồn xuất NM Kiên Lương; Phương thức giao nhận bằng bánh HT-Thủy/Bộ
IV Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai										
1	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Thị xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, thị xã Thái Hòa, huyện Nghĩa Đàn (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.350.000	
2	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Thị xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, thị xã Thái Hòa, huyện Nghĩa Đàn (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.130.000	
3	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Diễn Châu (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.310.000	
4	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Diễn Châu (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.130.000	
5	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Yên Thành, Đô Lương, Tân Kỳ (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.305.000	
6	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Yên Thành, Đô Lương, Tân Kỳ (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.100.000	

STT	Đơn vị kê khai giá	Số văn bản	Ngày ban hành	Đối tượng/ địa bàn áp dụng	Tên sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá (chưa có VAT)	Giá (đã có VAT)	Ghi chú
7	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Thành phố Vinh (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.200.000	
8	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Thành phố Vinh (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.050.000	
9	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Nghi Lộc (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.210.000	
10	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Nghi Lộc (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.070.000	
11	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương (cũ) Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.130.000	
12	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương (cũ) Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.030.000	
13	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Anh Sơn, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.100.000	
14	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Anh Sơn, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.000.000	
15	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.245.000	
16	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong (cũ) - Nghệ An	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.150.000	
17	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM-HM-XNTT	25/09/2025	Nghệ An	Xi măng PCB40 đóng vỏ PP	Tấn	TCVN 6260:2020		950.000	

STT	Đơn vị kê khai giá	Số văn bản	Ngày ban hành	Đối tượng/ địa bàn áp dụng	Tên sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá (chưa có VAT)	Giá (đã có VAT)	Ghi chú
18	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Nghệ An	Xi măng PCB40 đóng vỏ block	Tấn	TCVN 6260:2020		920.000	
19	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Bình (cũ)	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.140.000	
20	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Bình (cũ)	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.040.000	
21	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Bình (cũ)	Xi măng PCB40 đóng vỏ PP	Tấn	TCVN 6260:2020		960.000	
22	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Bình (cũ)	Xi măng Max Pro EN 197-1-CEM II/B-M 32.5N bao 50kg KPK		Tiêu chuẩn EN 197-1:2011		950.000	
23	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Trị (cũ)	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.140.000	
24	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Trị (cũ)	Xi măng bao PCB30	Tấn	TCVN 6260:2020		1.040.000	
25	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Trị (cũ)	Xi măng PCB40 đóng vỏ PP	Tấn	TCVN 6260:2020		960.000	
26	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Quảng Trị (cũ)	Xi măng Max Pro EN 197-1-CEM II/B-M 32.5N bao 50kg KPK	Tấn	Tiêu chuẩn EN 197-1:2011		950.000	
27	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Đắk Lắk (cũ)	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.065.000	

STT	Đơn vị kê khai giá	Số văn bản	Ngày ban hành	Đối tượng/ địa bàn áp dụng	Tên sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá (chưa có VAT)	Giá (đã có VAT)	Ghi chú
28	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Đất Lắc (cũ)	Xi măng bao PCB40 đóng vỏ sling Vicem Hoàng Mai	Tấn	TCVN 6260:2020		1.115.000	
29	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Đất Lắc (cũ)	Xi măng Max Pro EN 197-1-CEM II/B-M 32.5N bao 50kg KPK	Tấn	Tiêu chuẩn EN 197-1:2011		975.000	
30	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Đất Lắc (cũ)	Xi măng Max Pro EN 197-1-CEM II/B-M 32.5N bao 50kg KPK đóng vỏ sling	Tấn	Tiêu chuẩn EN 197-1:2011		1.045.000	
31	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Phú Yên (cũ)	Xi măng bao PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020		1.065.000	
32	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Phú Yên (cũ)	Xi măng bao PCB40 đóng vỏ sling Vicem Hoàng Mai	Tấn	TCVN 6260:2020		1.115.000	
33	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Phú Yên (cũ)	Xi măng Max Pro EN 197-1-CEM II/B-M 32.5N bao 50kg KPK	Tấn	Tiêu chuẩn EN 197-1:2011		975.000	
34	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4817/XM HM-XNTT	25/09/2025	Phú Yên (cũ)	Xi măng Max Pro EN 197-1-CEM II/B-M 32.5N bao 50kg KPK đóng vỏ sling	Tấn	Tiêu chuẩn EN 197-1:2011		1.045.000	